

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỨC XUÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2026/NQ-HĐND

Đức Xuân, ngày 24 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng
văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và
Ủy ban nhân dân phường Đức Xuân**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 148/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường về dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường; Báo cáo thẩm tra số 312/BC-BKTNS ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường; Báo cáo thẩm tra số 313/BC-BVHXXH ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng

nhân dân phường; Báo cáo số 457/BC-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân phường; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân phường ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Đức Xuân.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức khoán chi, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với:

- a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường Đức Xuân.
- b) Quyết định của Ủy ban nhân dân phường Đức Xuân.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Đức Xuân.
- b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung chi, mức khoán chi và định mức khoán đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường và Ủy ban nhân dân phường

1. Nội dung chi, mức khoán chi và danh mục nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, trong xây dựng quyết định là văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi trong công tác soạn thảo; thẩm định; tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Tổng mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là mức chi được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết Hội đồng nhân dân phường và quyết định của Ủy ban nhân dân phường thì áp dụng định mức khoán chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi và mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại phụ lục I; bằng định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi và mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi và mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

5. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan thẩm định; cơ quan tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Hội đồng nhân dân phường, Ủy ban nhân dân phường văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế, tham chiếu định mức khoán chi cho từng lĩnh vực hoạt động tương ứng với các sản phẩm tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này để quyết định mức chi đối với từng hoạt động, sản phẩm do đơn vị mình thực hiện, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không vượt mức khoán chi cho nhiệm vụ được giao quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện, tương ứng định mức khoán chi quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết này do ngân sách phường bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị có liên quan thực hiện theo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân phường và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Đức Xuân khóa VIII, Kỳ họp thứ sáu (*Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh đột xuất*) thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Hồ Thị Kim Ngân

Phụ lục I
MỨC KHOẢN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI XÂY DỰNG VĂN BẢN MỚI, THAY THẾ VĂN BẢN QUY
PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Đức Xuân)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Loại văn bản	Tổng mức chi ¹	Nhiệm vụ soạn thảo	Nhiệm vụ thẩm định	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình HĐND, UBND	Nhiệm vụ thẩm tra, trình thông qua
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường	10.000	6.000	2.000	1.000	1.000
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân phường	8.000	5.000	2.000	1.000	

¹ Đơn vị chủ trì nhiệm vụ soạn thảo là đơn vị dự toán.

Phụ lục II

**DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI TRONG CÔNG TÁC SOẠN THẢO;
THẨM ĐỊNH; TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ, THẨM TRA, TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG,
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Đức Xuân)

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoản chi (nghìn đồng)	
			Nghị quyết của HĐND phường	Quyết định của UBND phường
I	NHIỆM VỤ SOẠN THẢO			
1	Xây dựng Tờ trình của cơ quan chủ trì soạn thảo trình Ủy ban nhân dân xin chủ trương xây dựng dự thảo văn bản; Tờ trình đăng ký xây dựng dự thảo nghị quyết của HĐND; dự thảo Tờ trình và các tài liệu có liên quan.	Dự thảo Tờ trình/Tờ trình	1.000	1.000
2	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (dự thảo sơ bộ, dự thảo do Tổ soạn thảo thống nhất và dự thảo báo cáo lãnh đạo cơ quan chủ trì soạn thảo trước khi xin ý kiến, đăng tải công khai hoặc đánh giá tác động ảnh hưởng)	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	2.000	1.500
3	Các nhóm hoạt động liên quan đến tổ chức lấy ý kiến dự thảo, đăng tải trên môi trường điện tử, bao gồm:		1.500	1.300
3.1	Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo	400	300
3.2	Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý	400	300
3.3	Chi hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý (không bao gồm cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo) ²	Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị	700	700

² Mức chi hỗ trợ tại mục 3.3 là tổng kinh phí hỗ trợ tối đa cho tất cả các cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý (không bao gồm cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo)

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (nghìn đồng)	
			Nghị quyết của HĐND phường	Quyết định của UBND phường
1	Xây dựng báo cáo tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	500	400
2	Xây dựng báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	500	400
3	Hoàn thiện dự thảo văn bản sau thẩm định	Dự thảo văn bản được hoàn thiện sau thẩm định	500	400
Tổng I			6.000	5.000
II	NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH			
	Văn phòng HĐND và UBND phường thẩm định độc lập hoặc tổ chức Tổ thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp tổ chức Tổ thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, Văn phòng HĐND và UBND phường mời đại diện phòng Kinh tế, phòng Văn hóa - Xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia,... tham gia cuộc họp Tổ thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Một hoặc một số sản phẩm như sau: - Dự thảo Báo cáo thẩm định sơ bộ của chuyên viên/ý kiến thẩm định của Phòng chuyên môn hoặc tổ thẩm định (nếu có) - Báo cáo thẩm định chính thức của Văn phòng HĐND và UBND phường - Văn bản, biên bản họp - Ý kiến bằng văn bản hoặc ý kiến thể hiện trong biên bản cuộc họp	2.000	2.000
Tổng II			2.000	2.000

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (nghìn đồng)	
			Nghị quyết của HĐND phường	Quyết định của UBND phường
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN			
1	Chuẩn bị tài liệu phục vụ phiên họp Ủy ban nhân dân phường; lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân phường, lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường	Phiếu lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân phường, lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường hoặc Kết luận của Ủy ban nhân dân phường.	500	500
2	Hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân phường, lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường	Hồ sơ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân phường, lãnh đạo Ủy ban nhân dân phường.	500	500
	Tổng III		1.000	1.000
IV	NHIỆM VỤ THẨM TRA, TRÌNH THÔNG QUA			
1	Xây dựng báo cáo thẩm tra trình kỳ họp	Báo cáo thẩm tra	500	
2	Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình ký chứng thực, ban hành	Nghị quyết	500	
	Tổng IV		1.000	
	Tổng I + II + III + IV		10.000	8.000